

Số: /ĐA-UBND

Hà Đông, ngày tháng 4 năm 2026

ĐỀ ÁN

Xây dựng nông thôn mới xã Hà Đông, giai đoạn 2025 - 2030

I. SỰ CẦN THIẾT

Xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của cả hệ thống chính trị nhằm phát triển toàn diện khu vực nông thôn. Giai đoạn 2026 - 2030, việc triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được thực hiện theo Bộ tiêu chí quốc gia mới với yêu cầu cao hơn, toàn diện hơn, không chỉ dừng ở việc “đạt chuẩn” mà hướng tới nâng cao chất lượng và phát triển bền vững trên tất cả các lĩnh vực: quy hoạch, hạ tầng kinh tế - xã hội, kinh tế nông thôn, môi trường, văn hóa, quản trị và an ninh trật tự.

Đối với xã Hà Đông, sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, quy mô xã được mở rộng, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội; tuy nhiên cũng đặt ra yêu cầu cấp thiết phải rà soát, hoàn thiện lại toàn bộ các tiêu chí nông thôn mới theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2026–2030, cụ thể:

+ **Về quy hoạch:** cần điều chỉnh, tích hợp quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng nông thôn phù hợp với không gian phát triển mới.

+ **Về hạ tầng kinh tế - xã hội:** một số tiêu chí như giao thông, trường học, cơ sở vật chất văn hóa, y tế, thủy lợi, môi trường... chưa đáp ứng yêu cầu mới về đồng bộ, hiện đại và bền vững.

+ **Về kinh tế và tổ chức sản xuất:** sản xuất nông nghiệp còn phân tán, liên kết chuỗi còn hạn chế; tỷ lệ ứng dụng công nghệ cao, chuyên đổi số, sản xuất theo tiêu chuẩn còn thấp, chưa đáp ứng tiêu chí về phát triển kinh tế nông thôn đa giá trị.

+ **Về môi trường và chất lượng sống:** công tác thu gom, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường nông thôn có nơi chưa đạt yêu cầu; cảnh quan nông thôn chưa thực sự xanh – sạch – đẹp theo tiêu chí nâng cao.

+ **Về hệ thống chính trị và quản trị:** yêu cầu về chuyển đổi số, cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và sự tham gia của người dân ngày càng cao.

Thực tiễn trên địa bàn cho thấy, mặc dù xã đã đạt được nhiều kết quả trong xây dựng nông thôn mới, song một số tiêu chí chưa bền vững, đặc biệt là hạ tầng giao thông, cơ sở giáo dục, y tế và hệ thống đê điều còn hạn chế, xuống cấp, cần tiếp tục được đầu tư nâng cấp, hoàn thiện.

Trong bối cảnh đó, việc xây dựng “Đề án xây dựng nông thôn mới xã Hà Đông giai đoạn 2026-2030” là hết sức cần thiết nhằm:

+ Rà soát, đánh giá đầy đủ mức độ đạt được của từng tiêu chí theo Bộ tiêu chí mới.

+ Xác định rõ lộ trình, nhiệm vụ và giải pháp để duy trì, nâng cao và hoàn thiện các tiêu chí.

+ Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư;

+ Tổ chức triển khai đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

Qua đó, góp phần xây dựng xã Hà Đông đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, tiến tới nông thôn mới kiểu mẫu; phát triển kinh tế nông thôn bền vững, nâng cao thu nhập, cải thiện toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Luật Đầu tư công năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư, tài chính, ngân sách năm 2025.

Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2035.

Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ về triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2035.

Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026–2030.

Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ thành phố Hải Phòng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Chương trình hành động số 05-CTr/TU ngày 06/11/2025 của Thành ủy Hải Phòng về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Hà Đông lần thứ I, nhiệm kỳ 2025–2030.

Chương trình hành động số 06-CTr/ĐU ngày 29/9/2025 của Đảng ủy xã.

PHẦN I. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Trong thời gian qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, sự điều hành của UBND xã và sự tham gia tích cực của Nhân dân, Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Hà Đông đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, toàn diện trên các lĩnh vực, cụ thể như sau:

1. Về hệ thống chính trị và quản lý nhà nước

Trong giai đoạn 2020-2025, hệ thống chính trị trên địa bàn xã Hà Đông được củng cố, kiện toàn; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng và hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước từng bước được nâng lên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Công tác xây dựng Đảng được triển khai toàn diện trên các mặt chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Việc quán triệt, triển khai các nghị quyết, chỉ thị của Đảng được thực hiện nghiêm túc; công tác giáo dục chính trị tư tưởng được

tăng cường. Chất lượng sinh hoạt chi bộ từng bước được nâng lên; tỷ lệ tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt cao; công tác phát triển đảng viên được quan tâm, bảo đảm chỉ tiêu đề ra.

Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị được sắp xếp tinh gọn theo chủ trương chung; sau khi thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính, bộ máy chính quyền địa phương theo mô hình 02 cấp đã được kiện toàn, từng bước đi vào hoạt động ổn định, hiệu lực, hiệu quả. Công tác cán bộ được thực hiện công khai, dân chủ, đúng quy định; đội ngũ cán bộ, công chức cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân có nhiều đổi mới; công tác quản lý, điều hành ngày càng công khai, minh bạch; việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội được triển khai đồng bộ. Công tác cải cách hành chính được đẩy mạnh; cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” được thực hiện hiệu quả; Trung tâm phục vụ hành chính công được đầu tư, nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

Công tác kiểm tra, giám sát, phòng chống tham nhũng, tiêu cực được tăng cường; việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo đúng quy định, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát huy tốt vai trò trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và triển khai các phong trào thi đua yêu nước, đặc biệt là phong trào xây dựng nông thôn mới.

Quốc phòng – an ninh được giữ vững; lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên được xây dựng vững mạnh; công tác tuyên quân, huấn luyện được thực hiện nghiêm túc; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

2. Về phát triển kinh tế

Trong giai đoạn 2020-2025, kinh tế xã Hà Đông tiếp tục duy trì đà tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp – xây dựng và thương mại, dịch vụ.

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn ước đạt khoảng 2.633 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 7,4%/năm; thu nhập bình quân đầu người năm 2025 đạt khoảng 74,19 triệu đồng/người/năm. Thu ngân sách trên địa bàn cơ bản đảm bảo yêu cầu, đáp ứng nhiệm vụ chi thường xuyên và đầu tư phát triển.

Sản xuất nông nghiệp được duy trì ổn định, từng bước chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng. Địa phương đã hình thành một số vùng sản xuất tập trung, trong đó cây vải là cây trồng chủ lực; diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP được mở rộng. Giá trị sản xuất nông nghiệp đạt trên 514 tỷ đồng, tăng bình quân 5,1%/năm. Bên cạnh đó, nuôi trồng thủy sản và một số mô hình kinh tế nông nghiệp đặc thù (rươi, cáy...) mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tiếp tục phát triển, duy trì hoạt động ổn định, góp phần giải quyết việc làm cho lao động địa phương. Giá trị sản

xuất công nghiệp - xây dựng đạt khoảng 1.224 tỷ đồng, tăng bình quân 7,6%/năm. Lĩnh vực thương mại, dịch vụ phát triển khá, với giá trị đạt khoảng 894,2 tỷ đồng, tăng bình quân 8,2%/năm, đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất và đời sống Nhân dân.

Môi trường đầu tư kinh doanh từng bước được cải thiện; công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số được quan tâm triển khai, tạo điều kiện thuận lợi thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển.

3. Về xây dựng nông thôn mới và hạ tầng kinh tế - xã hội

Trong giai đoạn 2020-2025, Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Hà Đông được triển khai đồng bộ, có sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của cấp ủy, chính quyền và sự tham gia tích cực của Nhân dân, qua đó đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần làm thay đổi diện mạo nông thôn theo hướng khang trang, hiện đại.

Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư, từng bước hoàn thiện. Hạ tầng giao thông nông thôn được tập trung nâng cấp, mở rộng; nhiều tuyến đường trục xã, liên thôn, đường nội đồng được cứng hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho đi lại, vận chuyển hàng hóa và phát triển sản xuất. Trong nhiệm kỳ đã xây dựng mới, cải tạo hàng trăm km đường giao thông, góp phần tăng cường khả năng kết nối trong và ngoài địa bàn.

Hệ thống thủy lợi, đê điều cơ bản đáp ứng yêu cầu tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và phòng, chống thiên tai; các công trình được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên. Hạ tầng điện được đầu tư tương đối đồng bộ, đảm bảo cung cấp điện ổn định cho sinh hoạt và sản xuất. Hệ thống thông tin, truyền thanh cơ sở được duy trì hoạt động hiệu quả, phục vụ tốt công tác tuyên truyền và điều hành.

Cơ sở vật chất các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa từng bước được quan tâm đầu tư, nâng cấp; hệ thống nhà văn hóa, khu thể thao thôn được cải thiện, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Trung tâm phục vụ hành chính công được đầu tư khang trang, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và phục vụ người dân.

Phong trào “Toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới” được triển khai sâu rộng, huy động hiệu quả nguồn lực trong Nhân dân, với hàng nghìn ngày công lao động, hiến đất và đóng góp kinh phí để xây dựng hạ tầng. Nhờ đó, diện mạo nông thôn có nhiều khởi sắc, đời sống Nhân dân ngày càng được nâng cao.

Tuy nhiên, đến nay xã mới đạt 17/19 tiêu chí nông thôn mới nâng cao, một số tiêu chí chưa đạt hoặc chưa bền vững. Hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội vẫn còn tồn tại một số hạn chế: chưa đồng bộ, một số công trình xuống cấp; giao thông một số tuyến còn hẹp, chưa đáp ứng yêu cầu vận tải hàng hóa quy mô lớn; hạ tầng giáo dục, y tế, văn hóa còn thiếu và chưa đạt chuẩn theo quy định mới; hạ tầng môi trường chưa được đầu tư hoàn thiện.

4. Về văn hóa – xã hội và đời sống Nhân dân

Trong giai đoạn 2020-2025, các lĩnh vực văn hóa - xã hội trên địa bàn xã Hà Đông tiếp tục được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

Công tác giáo dục và đào tạo được duy trì ổn định; quy mô trường, lớp được giữ vững; chất lượng dạy và học từng bước được nâng lên. Cơ sở vật chất trường học được quan tâm đầu tư, từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, hướng tới đạt chuẩn quốc gia theo lộ trình đề ra. Tuy nhiên, một số trường còn thiếu phòng học, phòng chức năng, trang thiết bị chưa đồng bộ, cần tiếp tục được đầu tư nâng cấp.

Công tác y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân được đảm bảo; hệ thống y tế cơ sở duy trì hoạt động ổn định; các chương trình y tế dự phòng, phòng chống dịch bệnh được triển khai hiệu quả. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế ngày càng tăng, góp phần nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế. Tuy nhiên, cơ sở vật chất và trang thiết bị y tế còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh trong tình hình mới.

Lĩnh vực văn hóa, thể thao có nhiều chuyên biến tích cực; phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được triển khai sâu rộng. Các thiết chế văn hóa cơ sở như nhà văn hóa xã, thôn được duy trì hoạt động; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được tổ chức thường xuyên, góp phần nâng cao đời sống tinh thần và giữ gìn bản sắc văn hóa địa phương.

Công tác an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời; các chính sách đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội được quan tâm. Công tác giảm nghèo đạt kết quả tích cực; đời sống của Nhân dân từng bước được cải thiện. Thu nhập bình quân đầu người không ngừng tăng lên, góp phần nâng cao mức sống và giảm chênh lệch giữa các khu vực .

Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm được chú trọng; các chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất, vay vốn ưu đãi được triển khai hiệu quả, tạo điều kiện cho người dân phát triển kinh tế, ổn định đời sống.

5. Về môi trường và cảnh quan nông thôn

Trong giai đoạn 2020-2025, công tác bảo vệ môi trường và xây dựng cảnh quan nông thôn trên địa bàn xã Hà Đông đã được cấp ủy, chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và đạt được một số kết quả tích cực, góp phần từng bước nâng cao chất lượng môi trường sống của Nhân dân.

Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt được triển khai trên địa bàn; việc thu gom rác thải tại các thôn từng bước đi vào nề nếp. Nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường được nâng lên; việc giữ gìn vệ sinh môi trường, xây dựng công trình vệ sinh hợp vệ sinh được quan tâm thực hiện. Tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch đạt 100%, góp phần cải thiện điều kiện sinh hoạt và nâng cao chất lượng cuộc sống .

Trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, việc sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật từng bước được kiểm soát; một số mô hình sản xuất an toàn, thân thiện với môi trường được triển khai. Công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được quan tâm thực hiện.

Phong trào xây dựng cảnh quan nông thôn “sáng – xanh – sạch – đẹp” được triển khai tại nhiều khu dân cư; các tuyến đường làng, ngõ xóm được chỉnh trang, vệ sinh thường xuyên; một số tuyến đường được trồng cây xanh, tạo cảnh quan môi trường nông thôn khang trang hơn.

8. Đánh giá chung

Trong giai đoạn 2020–2025, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, cùng với sự đồng thuận, tham gia tích cực của Nhân dân, xã Hà Đông đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực, tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

Kinh tế duy trì tốc độ tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực; thu nhập bình quân đầu người được nâng lên; đời sống vật chất của Nhân dân từng bước được cải thiện. Sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển theo hướng hàng hóa; một số mô hình sản xuất hiệu quả được hình thành; lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ có bước phát triển, góp phần giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người dân.

Chương trình xây dựng nông thôn mới được triển khai đồng bộ, đạt nhiều kết quả nổi bật; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư, từng bước hoàn thiện; diện mạo nông thôn có nhiều khởi sắc. Nhiều công trình giao thông, thủy lợi, điện, trường học, cơ sở văn hóa được nâng cấp, phục vụ tốt nhu cầu sản xuất và đời sống Nhân dân.

Các lĩnh vực văn hóa – xã hội có nhiều tiến bộ; chất lượng giáo dục, y tế từng bước được nâng lên; công tác an sinh xã hội được đảm bảo; các chính sách đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Đời sống tinh thần của Nhân dân ngày càng phong phú; phong trào xây dựng đời sống văn hóa được duy trì và phát triển.

Công tác bảo vệ môi trường được quan tâm; việc thu gom rác thải, sử dụng nước sạch, chỉnh trang cảnh quan nông thôn có chuyển biến tích cực; ý thức của người dân về bảo vệ môi trường từng bước được nâng lên.

Hệ thống chính trị được củng cố, kiện toàn; năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành của cấp ủy, chính quyền từng bước được nâng cao; cải cách hành chính có chuyển biến; hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công được nâng cao chất lượng, phục vụ tốt Nhân dân. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phát huy tốt vai trò trong vận động Nhân dân tham gia phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới.

Quốc phòng – an ninh được giữ vững; trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, tạo môi trường ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội.

Nhìn chung, xã Hà Đông đã đạt được những kết quả quan trọng trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2020–2025, tạo nền tảng vững chắc cho việc duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí và triển khai xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu trong giai đoạn 2026–2030.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện một số tiêu chí còn chưa bền vững; hạ tầng một số lĩnh vực chưa đồng bộ; sản xuất nông nghiệp quy mô còn nhỏ lẻ; môi trường nông thôn có nơi chưa đảm bảo; nguy cơ tái nghèo còn tiềm ẩn. Những tồn tại, hạn chế này cần được tập trung khắc phục trong giai đoạn tới.

II. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Hà Đông vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

Thứ nhất, về phát triển kinh tế: Kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của địa phương; quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, phân tán, chưa hình thành nhiều vùng sản xuất tập trung quy mô lớn. Liên kết sản xuất – chế biến – tiêu thụ sản phẩm chưa chặt chẽ, phụ thuộc nhiều vào thị trường tự do, tiềm ẩn rủi ro. Giá trị gia tăng trong sản xuất nông nghiệp còn thấp; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ phát triển chưa mạnh, chưa tạo được động lực đột phá .

Thứ hai, về xây dựng nông thôn mới và hạ tầng: Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội mặc dù đã được đầu tư nhưng chưa đồng bộ, một số công trình còn xuống cấp, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Một số tiêu chí nông thôn mới nâng cao chưa đạt hoặc đạt nhưng chưa bền vững; đặc biệt là các tiêu chí về hạ tầng, môi trường, giáo dục và y tế .

Thứ ba, về văn hóa – xã hội: Chất lượng giáo dục và y tế chưa đồng đều; cơ sở vật chất ở một số lĩnh vực còn thiếu và chưa đạt chuẩn theo quy định. Đời sống của một bộ phận Nhân dân còn khó khăn; nguy cơ tái nghèo còn tiềm ẩn. Việc phát triển các thiết chế văn hóa và nâng cao đời sống tinh thần ở một số khu vực chưa đồng đều.

Thứ tư, về môi trường: Công tác bảo vệ môi trường còn nhiều hạn chế; tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt còn thấp (khoảng 58%), chưa đáp ứng yêu cầu . Hệ thống thu gom, xử lý nước thải chưa được đầu tư đồng bộ; tình trạng ô nhiễm môi trường cục bộ vẫn còn xảy ra. Ý thức bảo vệ môi trường của một bộ phận người dân chưa cao.

Thứ năm, về hệ thống chính trị và quản lý nhà nước: Năng lực lãnh đạo, quản lý của một bộ phận cán bộ còn hạn chế; công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số chưa đồng đều. Việc phối hợp giữa các ngành, các cấp có lúc chưa chặt chẽ; công tác nắm bắt, giải quyết một số vấn đề phát sinh ở cơ sở có thời điểm còn chậm. Công tác quản lý đất đai, giải phóng mặt bằng còn gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án.

III. NGUYỄN NHÂN

3.1. Nguyên nhân khách quan

Xuất phát điểm của địa phương còn thấp, quy mô kinh tế nhỏ, nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu đầu tư đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

Quá trình thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình 02 cấp đã làm thay đổi quy mô, không gian phát triển, dẫn đến một số quy hoạch, hạ tầng chưa kịp điều chỉnh, hoàn thiện đồng bộ.

Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh (đặc biệt là dịch Covid-19), cùng với biến động của thị trường nông sản đã tác động trực tiếp đến sản xuất, đời sống Nhân dân và việc triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội .

Giá cả vật tư đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp tăng cao, trong khi đầu ra sản phẩm thiếu ổn định, làm giảm hiệu quả sản xuất và thu nhập của người dân.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở một số thời điểm chưa thực sự quyết liệt; việc cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của cấp trên vào điều kiện thực tiễn của địa phương có lúc còn chậm, thiếu đồng bộ.

Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch còn hạn chế; việc tổ chức thực hiện quy hoạch chưa hiệu quả, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới, nhất là sau khi sáp nhập đơn vị hành chính.

Việc huy động nguồn lực xã hội hóa cho đầu tư phát triển còn gặp khó khăn; chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; các hình thức liên kết sản xuất – tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế.

Sản xuất nông nghiệp vẫn chủ yếu mang tính nhỏ lẻ, manh mún; việc ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất và quản lý còn chậm, chưa tạo được bước đột phá.

Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và Nhân dân về xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế hàng hóa và bảo vệ môi trường còn hạn chế; vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

Năng lực quản lý, tổ chức thực hiện của một bộ phận cán bộ ở cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới; công tác phối hợp giữa các ngành, các lĩnh vực có lúc chưa chặt chẽ, ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai nhiệm vụ.

PHẦN II. MỤC TIÊU

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Xây dựng xã Hà Đông đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, tiến tới nông thôn mới kiểu mẫu theo Bộ tiêu chí quốc gia giai đoạn 2026-2030; phát triển nông thôn toàn diện, bền vững gắn với quá trình đô thị hóa.

Phát triển kinh tế theo hướng kinh tế xanh, kinh tế số, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp đặc sản và nuôi trồng thủy sản.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng thương mại - dịch vụ, tiêu thủ công nghiệp; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm chủ lực.

Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại; phát triển toàn diện lĩnh vực văn hóa - xã hội, nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền; đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số; xây dựng chính quyền thân thiện, phục vụ Nhân dân; giữ vững quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội.

Phấn đấu đến năm 2030 hoàn thành các chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới theo kế hoạch thành phố giao, xây dựng xã Hà Đông phát triển nhanh, bền vững, giàu đẹp, văn minh.

II. Mục tiêu cụ thể

1. Về kinh tế

+ Tốc độ tăng trưởng kinh tế: Giá trị sản xuất trên địa bàn tăng bình quân 10–13%/năm.

+ Thu nhập: Thu nhập bình quân đầu người tăng tối thiểu 10%/năm.

+ Hiệu quả sản xuất nông nghiệp: Giá trị sản phẩm trên 01 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt khoảng 240 triệu đồng/ha vào năm 2030.

+ Chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Giảm dần tỷ trọng nông nghiệp; tăng nhanh tỷ trọng dịch vụ, thương mại, tiểu thủ công nghiệp; phát triển kinh tế nông thôn đa ngành, đa lĩnh vực.

+ Phát triển sản xuất nông nghiệp chủ lực: Tổ chức lại sản xuất theo hướng hàng hóa tập trung; phát triển bền vững vùng cây vải đặc sản, cây ăn quả và nuôi trồng thủy sản; mở rộng sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ; nâng cao chất lượng, sản lượng và giá trị sản phẩm.

+ Tổ chức sản xuất và liên kết: củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã, tổ hợp tác; phát triển các mô hình liên kết sản xuất – tiêu thụ theo chuỗi giá trị; thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

+ Phát triển kinh tế tư nhân: Khuyến khích phát triển hộ kinh doanh; phấn đấu mỗi năm có ít nhất 02 cơ sở sản xuất, kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp.

+ Ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số: Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; triển khai chuyển đổi số trong sản xuất, quản lý và tiêu thụ sản phẩm; xây dựng mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc.

+ Giảm nghèo bền vững: Thực hiện hiệu quả các chính sách giảm nghèo; phấn đấu xóa nghèo trước năm 2028.

2. Về hạ tầng

+ Giao thông: Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, mở rộng hệ thống giao thông trên địa bàn; phấn đấu giai đoạn 2026–2030 nâng cấp, mở rộng 15–20 km đường giao thông; đảm bảo 100% tuyến đường trục xã, liên thôn, ngõ xóm được cứng hóa, đi lại thuận tiện quanh năm; tăng cường kết nối giữa các khu vực sau sáp nhập và với vùng lân cận.

+ Thủy lợi, đê điều: Hoàn thiện hệ thống thủy lợi đáp ứng yêu cầu tưới, tiêu chủ động; kiên cố hóa kênh mương nội đồng; nâng cấp, cải tạo khoảng 8 km đê, đảm bảo an toàn phòng, chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu.

+ Điện: Duy trì và nâng cấp hệ thống điện nông thôn; đảm bảo 100% hộ dân được sử dụng điện an toàn, ổn định, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và sản xuất.

+ Giáo dục: Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất trường học theo hướng đồng bộ, hiện đại; duy trì 100% trường đạt chuẩn quốc gia, từng bước đạt chuẩn mức độ cao; đến năm 2030, 100% cơ sở giáo dục được trang bị phòng học thông minh, mỗi cấp học có ít nhất 01 nhà đa năng.

+ Y tế: Nâng cấp, hoàn thiện cơ sở vật chất trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia; đảm bảo đủ điều kiện khám, chữa bệnh ban đầu; nâng cao chất lượng dịch vụ y tế cơ sở, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

+ Cơ sở vật chất văn hóa: Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ xã đến thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động nhà văn hóa, khu thể thao, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng.

+ Hạ tầng thương mại, thông tin và công trình công cộng: Phát triển hạ tầng thương mại nông thôn; nâng cao chất lượng hệ thống thông tin, truyền thanh cơ sở; từng bước đầu tư hoàn thiện các công trình công cộng phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế.

+ Hạ tầng môi trường: Đầu tư hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải và nước thải; đảm bảo tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đạt 100%; cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng – xanh – sạch – đẹp – bền vững.

3. Về sản xuất và tổ chức kinh tế nông thôn

+ Phát triển sản xuất nông nghiệp chủ lực: Duy trì và phát triển bền vững vùng sản xuất cây vải đặc sản, cây ăn quả và nuôi trồng thủy sản; mở rộng diện tích sản xuất tập trung; nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm.

+ Tái cơ cấu ngành nông nghiệp: Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện thực tế; phát triển nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp xanh, thích ứng biến đổi khí hậu; nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

+ Tổ chức sản xuất: Củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã, tổ hợp tác; phấn đấu 100% hợp tác xã hoạt động hiệu quả theo quy định; phát triển các mô hình kinh tế tập thể gắn với chuỗi giá trị.

+ Liên kết sản xuất – tiêu thụ: Đẩy mạnh liên kết giữa người dân – hợp tác xã – doanh nghiệp trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; xây dựng các chuỗi giá trị bền vững, ổn định đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp.

+ Phát triển kinh tế tư nhân trong nông thôn: Khuyến khích phát triển hộ sản xuất kinh doanh; thúc đẩy chuyển đổi mô hình sản xuất sang doanh nghiệp; phấn đấu mỗi năm có ít nhất 02 cơ sở sản xuất, kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp.

+ Ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số: Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; mở rộng sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ; triển khai mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm; từng bước thực hiện chuyển đổi số trong quản lý, sản xuất và tiêu thụ nông sản.

+ Phát triển sản phẩm đặc trưng, OCOP: Xây dựng, phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm OCOP có chất lượng, thương hiệu; nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường.

4. Về văn hóa – xã hội

+ Văn hóa: Tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; phấn đấu hằng năm tỷ lệ gia đình văn hóa đạt $\geq 96\%$; duy trì 100% thôn giữ vững danh hiệu “Làng văn hóa”; xây dựng môi trường văn hóa lành

manh, văn minh.

+ Giáo dục và đào tạo: Duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; giữ vững 100% trường học đạt chuẩn quốc gia, từng bước nâng cao chất lượng đạt chuẩn mức độ cao; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong dạy và học.

+ Y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân: Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế cơ sở; đảm bảo trạm y tế đạt chuẩn quốc gia; tăng tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt $\geq 97\%$; nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu.

+ Lao động, việc làm và an sinh xã hội: Thực hiện hiệu quả các chính sách an sinh xã hội; đẩy mạnh đào tạo nghề, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân; phấn đấu xóa nghèo trước năm 2028, không để tái nghèo.

+ Bảo hiểm xã hội: Tăng tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội, phấn đấu đến năm 2030 đạt khoảng 66% lực lượng lao động trong độ tuổi.

+ Thông tin, truyền thông và chuyển đổi số: Nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền; phát huy vai trò của hệ thống truyền thanh cơ sở; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các lĩnh vực văn hóa – xã hội và phục vụ Nhân dân.

5. Về môi trường

+ Thu gom, xử lý chất thải: Đảm bảo 100% rác thải sinh hoạt được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định; từng bước phân loại rác thải tại nguồn; nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị thu gom rác thải trên địa bàn.

+ Nước sạch và vệ sinh môi trường: Đảm bảo 100% dân số được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn; nâng cao tỷ lệ hộ gia đình có công trình vệ sinh hợp vệ sinh; cải thiện hệ thống thoát nước khu dân cư.

+ Xử lý nước thải: Từng bước đầu tư, hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt; hạn chế ô nhiễm môi trường tại khu dân cư và khu vực sản xuất.

+ Môi trường trong sản xuất nông nghiệp: Tăng cường quản lý việc sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; tổ chức thu gom, xử lý bao bì sau sử dụng; khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ, thân thiện với môi trường.

+ Cảnh quan nông thôn: Đẩy mạnh phong trào chỉnh trang đường làng, ngõ xóm; trồng cây xanh, xây dựng tuyến đường kiểu mẫu; đảm bảo cảnh quan nông thôn đồng bộ, văn minh.

+ Nâng cao nhận thức cộng đồng: Tăng cường tuyên truyền, vận động Nhân dân nâng cao ý thức bảo vệ môi trường; xây dựng nếp sống văn minh, thân thiện với môi trường; phát huy vai trò của cộng đồng trong giám sát, giữ gìn vệ sinh môi trường.

6. Về hệ thống chính trị và chuyển đổi số

+ Xây dựng hệ thống chính trị: Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng; hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị – xã hội; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

+ Cải cách hành chính: Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính; đảm bảo 100% hồ sơ được giải quyết đúng hạn; nâng cao mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

+ Chuyển đổi số: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành; phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến đạt $\geq 85\%$; từng bước số hóa hồ sơ, dữ liệu quản lý.

+ Xây dựng chính quyền thân thiện: Phấn đấu đến năm 2027, xây dựng chính quyền xã đạt chuẩn “Chính quyền thân thiện”, “Công sở thân thiện” theo quy định.

+ Thực hiện dân chủ ở cơ sở: Phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; tăng cường công khai, minh bạch; nâng cao hiệu quả công tác tiếp dân, giải quyết kiến nghị, phản ánh của Nhân dân.

+ Quốc phòng – an ninh: Giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; thực hiện tốt công tác quốc phòng địa phương; hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân hằng năm; phấn đấu xây dựng xã đạt tiêu chí “không tội phạm, không ma túy”.

PHẦN III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

I. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1. Về định hướng và điều hành phát triển kinh tế

- Tổ chức quán triệt, cụ thể hóa và triển khai thực hiện đồng bộ các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã nhiệm kỳ 2025–2030; bảo đảm đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 10–13%/năm, gắn với nâng cao chất lượng tăng trưởng và phát triển bền vững.

- Xây dựng và ban hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, kế hoạch trung hạn phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; xác định rõ trọng tâm, trọng điểm, lộ trình thực hiện từng chỉ tiêu.

- Tăng cường công tác dự báo, phân tích tình hình kinh tế; kịp thời điều chỉnh, bổ sung các giải pháp điều hành linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với diễn biến thực tế và yêu cầu phát triển.

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo định hướng dịch vụ – tiểu thủ công nghiệp – nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; lồng ghép các mục tiêu phát triển kinh tế xanh, kinh tế số trong công tác chỉ đạo, điều hành.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế; tăng cường phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn trong tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế.

- Phân công rõ trách nhiệm từng cơ quan, đơn vị, cá nhân phụ trách từng lĩnh vực, từng chỉ tiêu; gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

2. Về chuyển dịch cơ cấu kinh tế

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo đúng định hướng Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã, theo hướng giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng nhanh tỷ trọng dịch vụ, thương mại và tiểu thủ công nghiệp, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Xây dựng lộ trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế giai đoạn 2026–2030 gắn với mục tiêu tăng trưởng kinh tế bình quân 10–13%/năm; xác định rõ các ngành, lĩnh vực trọng điểm, có lợi thế để tập trung phát triển.

- Đẩy mạnh phát triển các hoạt động thương mại, dịch vụ, khuyến khích mở rộng mạng lưới kinh doanh, dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống Nhân dân; từng bước hình thành các điểm kinh doanh, dịch vụ tập trung.

- Khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn, tạo việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho người dân; hỗ trợ các cơ sở sản xuất mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất lao động.

- Tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng giảm diện tích sản xuất kém hiệu quả, chuyển đổi sang các mô hình sản xuất có giá trị kinh tế cao; gắn chuyển dịch cơ cấu kinh tế với tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Lồng ghép các mục tiêu phát triển kinh tế xanh, kinh tế số trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế; thúc đẩy các mô hình sản xuất, kinh doanh thân thiện với môi trường, ứng dụng công nghệ.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế; thường xuyên kiểm tra, đánh giá hiệu quả chuyển dịch; kịp thời điều chỉnh giải pháp phù hợp với thực tiễn.

3. Về phát triển nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị

Tổ chức triển khai thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu; phấn đấu đến năm 2030 giá trị sản phẩm trên 01 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt khoảng 240 triệu đồng/ha.

Quy hoạch, phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, phù hợp với điều kiện tự nhiên và lợi thế của địa phương; trong đó tập trung phát triển bền vững vùng cây vải đặc sản, cây ăn quả và nuôi trồng thủy sản theo hướng hàng hóa.

Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; mở rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, giá trị kinh tế cao; từng bước thay thế diện tích sản xuất kém hiệu quả bằng các mô hình sản xuất phù hợp.

Khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ; áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất, chế biến và bảo quản nông sản.

Tăng cường liên kết sản xuất – tiêu thụ theo chuỗi giá trị; phát huy vai trò của hợp tác xã, tổ hợp tác trong tổ chức sản xuất; thu hút doanh nghiệp tham gia đầu tư, liên kết tiêu thụ sản phẩm.

Triển khai xây dựng mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm; nâng cao chất lượng, an toàn thực phẩm; xây dựng thương hiệu nông sản địa phương, phát triển sản phẩm OCOP.

Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong nông nghiệp; từng bước số hóa thông tin sản xuất, quản lý vùng trồng, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm qua các nền tảng số.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp; hướng dẫn, hỗ trợ người dân trong tổ chức sản xuất; thường xuyên kiểm tra, đánh giá hiệu quả các mô hình để nhân rộng.

4. Về phát triển kinh tế tư nhân và thu hút đầu tư

Tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng trong phát triển kinh tế địa phương; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

Rà soát, hoàn thiện các điều kiện về quy hoạch, quỹ đất, hạ tầng kỹ thuật để thu hút đầu tư vào các lĩnh vực có lợi thế như: nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chế biến nông sản, thương mại, dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ; nâng cao chất lượng phục vụ của chính quyền đối với người dân và doanh nghiệp; tạo môi trường đầu tư công khai, minh bạch, thuận lợi.

Khuyến khích, hỗ trợ phát triển hộ kinh doanh cá thể; thúc đẩy chuyển đổi sang mô hình doanh nghiệp; phấn đấu mỗi năm có ít nhất 02 cơ sở sản xuất, kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp theo Nghị quyết.

Hỗ trợ các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn, khoa học công nghệ, thông tin thị trường; nâng cao năng lực quản trị, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh.

Tăng cường hoạt động xúc tiến đầu tư; chủ động kết nối với các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài địa phương; kêu gọi đầu tư vào các dự án phát triển sản xuất, kinh doanh phù hợp với quy hoạch.

Khuyến khích hình thành các mô hình liên kết giữa doanh nghiệp với hợp tác xã, tổ hợp tác và người dân trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp.

Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại điện tử; hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

5. Về phát triển thị trường và liên kết kinh tế

Đẩy mạnh phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm theo hướng ổn định, bền vững, đa dạng kênh phân phối; gắn sản xuất với nhu cầu thị trường, nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm địa phương.

Tăng cường liên kết sản xuất – tiêu thụ theo chuỗi giá trị; thúc đẩy hợp tác giữa người dân – hợp tác xã – doanh nghiệp trong sản xuất, thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt đối với các sản phẩm chủ lực như vải, cây ăn quả và thủy sản.

Hỗ trợ xây dựng, phát triển thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa cho các sản phẩm nông sản chủ lực; triển khai truy xuất nguồn gốc, mã số vùng trồng, nâng cao chất lượng và uy tín sản phẩm trên thị trường.

Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm OCOP, nâng cao chất lượng, mẫu mã, bao bì; mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài địa phương.

Phát triển hệ thống thương mại nông thôn; khuyến khích hình thành các điểm giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm; nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn.

Tăng cường xúc tiến thương mại; tổ chức, tham gia các hội chợ, triển lãm, kết nối cung – cầu; mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia các sàn thương mại điện tử, nền tảng số; từng bước hình thành kênh tiêu thụ trực tuyến.

Tăng cường công tác thông tin thị trường; hỗ trợ người dân, doanh nghiệp nắm bắt nhu cầu, giá cả, xu hướng tiêu dùng để chủ động điều chỉnh sản xuất phù hợp.

6. Về ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào các lĩnh vực sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; coi đây là giải pháp trọng tâm nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của nền kinh tế địa phương.

Tập trung ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp, đặc biệt trong sản xuất cây vải, cây ăn quả và nuôi trồng thủy sản; áp dụng quy trình sản xuất tiên tiến, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh tế.

Khuyến khích phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh; từng bước ứng dụng tự động hóa, công nghệ sinh học, công nghệ số trong sản xuất nông nghiệp.

Triển khai xây dựng và quản lý mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm; ứng dụng công nghệ trong kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm, đáp ứng yêu cầu thị trường.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực kinh tế, nhất là trong nông nghiệp và thương mại; hỗ trợ người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số trong quản lý sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm.

Hỗ trợ các chủ thể kinh tế tham gia các sàn thương mại điện tử, nền tảng số; từng bước hình thành kênh tiêu thụ sản phẩm trực tuyến, mở rộng thị trường.

Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số cho cán bộ, người dân và doanh nghiệp.

Từng bước xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu số phục vụ quản lý kinh tế; nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước thông qua ứng dụng công nghệ thông tin.

7. Về nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững

Tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế nhằm nâng cao thu nhập bền vững cho người dân, phấn đấu thu nhập bình quân đầu người tăng tối thiểu 10%/năm theo Nghị quyết Đại hội.

Gắn mục tiêu nâng cao thu nhập với chuyên dịch cơ cấu kinh tế, tái cơ cấu nông nghiệp, phát triển ngành nghề nông thôn, thương mại và dịch vụ; tạo việc làm ổn định, nâng cao đời sống Nhân dân.

Đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu thị trường; hỗ trợ chuyển đổi nghề đối với lao động trong lĩnh vực nông nghiệp sang các lĩnh vực có thu nhập cao hơn.

Tạo điều kiện để người dân tiếp cận các nguồn vốn tín dụng, khoa học kỹ thuật, thông tin thị trường; hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao hiệu quả kinh tế hộ gia đình.

Thực hiện hiệu quả các chính sách an sinh xã hội; hỗ trợ các hộ nghèo, cận nghèo phát triển sinh kế, từng bước thoát nghèo bền vững.

Tập trung nguồn lực, triển khai các giải pháp phù hợp nhằm phấn đấu xóa nghèo trước năm 2028, không để tái nghèo; nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Tăng cường công tác quản lý, rà soát, cập nhật chính xác đối tượng hộ nghèo, cận nghèo; đảm bảo thực hiện chính sách đúng đối tượng, công khai, minh bạch.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VỀ HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Về công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch

Tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện các quy hoạch trên địa bàn, bao gồm: quy hoạch xây dựng nông thôn mới, quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch có liên quan, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026–2030 và tình hình thực tế sau sáp nhập.

Nâng cao chất lượng công tác lập quy hoạch theo hướng có tầm nhìn dài hạn, gắn kết chặt chẽ giữa quy hoạch phát triển kinh tế với quy hoạch hạ tầng, quy hoạch dân cư và quy hoạch vùng sản xuất; đảm bảo sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai.

Tổ chức công khai, minh bạch các quy hoạch đã được phê duyệt để Nhân dân biết, tham gia giám sát và thực hiện; đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của người dân và doanh nghiệp.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quy hoạch; kiểm soát chặt chẽ việc xây dựng, sử dụng đất theo quy hoạch; kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp vi phạm, không để phát sinh tình trạng xây dựng trái phép, sử dụng đất sai mục đích.

Gắn công tác quy hoạch với thu hút đầu tư và phát triển kinh tế; chủ động bố trí quỹ đất phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp tập trung, hạ tầng thương mại – dịch vụ và các công trình công cộng.

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch; định kỳ đánh giá, điều chỉnh quy hoạch phù hợp với tình hình phát triển thực tế và yêu cầu nhiệm vụ trong từng giai đoạn.

2. Về phát triển hạ tầng giao thông

Tập trung huy động nguồn lực đầu tư phát triển hệ thống giao thông theo hướng đồng bộ, kết nối liên vùng, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới nâng cao; phấn đấu giai đoạn 2026–2030 nâng cấp, mở rộng 15–20 km đường giao thông trên địa bàn.

Ưu tiên đầu tư các tuyến giao thông trục chính, trục xã, liên thôn có tính kết nối cao, phục vụ trực tiếp cho phát triển sản xuất, vận chuyển hàng hóa và đi lại của Nhân dân; từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông theo quy hoạch.

Tiếp tục cứng hóa, nâng cấp các tuyến đường ngõ xóm, đường nội đồng; đảm bảo 100% tuyến đường được đi lại thuận tiện quanh năm; kết hợp xây dựng các tuyến đường kiểu mẫu sáng – xanh – sạch – đẹp.

Gắn phát triển giao thông với quy hoạch vùng sản xuất, khu dân cư và hạ tầng thương mại – dịch vụ; tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư và phát triển kinh tế địa phương.

Tăng cường công tác quản lý, bảo trì, duy tu hệ thống giao thông; phát huy vai trò của cộng đồng dân cư trong việc bảo vệ, giữ gìn công trình.

Thực hiện đa dạng hóa nguồn lực đầu tư, đẩy mạnh xã hội hóa; lồng ghép các chương trình, dự án; huy động sự tham gia của Nhân dân theo nguyên tắc dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng thụ.

Tăng cường kiểm tra, giám sát chất lượng công trình giao thông; đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

3. Về hạ tầng thủy lợi, đê điều và phòng chống thiên tai

Tập trung đầu tư, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống thủy lợi theo hướng đồng bộ, chủ động tưới, tiêu, đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Rà soát, kiên cố hóa hệ thống kênh mương nội đồng; ưu tiên các tuyến phục vụ trực tiếp cho vùng sản xuất tập trung, đặc biệt là vùng cây vải, cây ăn quả và nuôi trồng thủy sản.

Triển khai nâng cấp, cải tạo khoảng 8 km đê theo kế hoạch; tăng cường khả năng chống lũ, chống sạt lở, đảm bảo an toàn cho sản xuất và đời sống Nhân dân.

Kết hợp đầu tư thủy lợi với cải tạo hệ thống tiêu thoát nước khu dân cư; hạn chế tình trạng ngập úng cục bộ, nhất là trong mùa mưa bão.

Chủ động xây dựng và cập nhật các phương án phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo phương châm “4 tại chỗ”; nâng cao năng lực ứng phó, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra.

Tăng cường công tác quản lý, vận hành, bảo dưỡng hệ thống thủy lợi, đê điều; phân công rõ trách nhiệm các đơn vị, cá nhân trong quản lý, khai thác công trình.

Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức của Nhân dân về phòng, chống thiên tai; huy động cộng đồng tham gia bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều.

Tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và xử lý các vi phạm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều.

4. Về hạ tầng điện

Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, cải tạo hệ thống lưới điện nông thôn theo hướng đồng bộ, an toàn, ổn định, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của Nhân dân.

Phối hợp với ngành điện rà soát, nâng công suất các trạm biến áp, đường dây trung thế, hạ thế tại các khu vực có nhu cầu sử dụng điện cao; đảm bảo cung cấp điện liên tục, hạn chế quá tải, mất điện cục bộ.

Phấn đấu 100% hộ dân được sử dụng điện an toàn, ổn định, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới nâng cao.

Gắn phát triển hạ tầng điện với phát triển sản xuất, đặc biệt là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tiêu thụ công nghiệp và dịch vụ; đảm bảo đủ điện phục vụ các mô hình sản xuất mới.

Tăng cường công tác quản lý, vận hành, bảo vệ hành lang an toàn lưới điện; nâng cao ý thức của Nhân dân trong sử dụng điện tiết kiệm, an toàn.

5. Về hạ tầng giáo dục, y tế, văn hóa

Tiếp tục đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất các trường học theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục; duy trì và nâng cao chất lượng các trường đạt chuẩn quốc gia, từng bước đạt chuẩn mức độ cao.

Từng bước đầu tư trang thiết bị dạy học hiện đại, xây dựng phòng học thông minh, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và chuyển đổi số trong dạy và học.

Nâng cấp, hoàn thiện cơ sở vật chất trạm y tế xã theo chuẩn quốc gia; đảm bảo đầy đủ trang thiết bị, điều kiện phục vụ khám, chữa bệnh ban đầu; nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

Đầu tư, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ xã đến thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của nhà văn hóa, khu thể thao, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng của Nhân dân.

Gắn đầu tư hạ tầng giáo dục, y tế, văn hóa với nâng cao chất lượng dịch vụ, xây dựng môi trường sống văn minh, lành mạnh, góp phần thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

Tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả các công trình sau đầu tư; huy động sự tham gia của Nhân dân trong quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị công trình.

6. Về hạ tầng thương mại, thông tin và công trình công cộng

Phát triển hạ tầng thương mại nông thôn theo hướng đồng bộ, thuận tiện, đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa và dịch vụ của Nhân dân; khuyến khích đầu tư, nâng cấp các điểm kinh doanh, dịch vụ, từng bước hình thành các khu vực thương mại phù hợp với quy hoạch.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn; gắn phát triển hạ tầng thương mại với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm OCOP và phát triển kinh tế địa phương.

Đầu tư, nâng cấp hệ thống thông tin, truyền thông cơ sở theo hướng hiện đại, đồng bộ; đảm bảo thông tin kịp thời, chính xác phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo và nhu cầu của Nhân dân.

Phát huy hiệu quả hoạt động của hệ thống truyền thanh cơ sở; nâng cao chất lượng nội dung tuyên truyền; gắn với nhiệm vụ của Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công xã Hà Đông trong công tác phát thanh – truyền thanh.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lĩnh vực thông tin, tuyên truyền; từng bước xây dựng hệ thống thông tin số phục vụ quản lý và cung cấp dịch vụ công.

Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình công cộng phục vụ dân sinh như: trụ sở làm việc, công trình hành chính, khu sinh hoạt cộng đồng, đảm bảo đồng bộ, thuận tiện, hiệu quả sử dụng cao.

Tăng cường công tác quản lý, vận hành, khai thác các công trình sau đầu tư; đảm bảo sử dụng đúng mục đích, phát huy hiệu quả, tránh lãng phí.

7. Về hạ tầng môi trường

Tập trung đầu tư, hoàn thiện hệ thống thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt theo hướng đồng bộ, hiệu quả, đảm bảo 100% rác thải sinh hoạt được thu gom, xử lý theo quy định.

Triển khai thực hiện phân loại rác thải tại nguồn; từng bước hình thành hệ thống thu gom, vận chuyển phù hợp với từng loại chất thải; nâng cao hiệu quả xử lý, giảm chi phí và bảo vệ môi trường.

Đầu tư, nâng cấp hệ thống cấp nước sạch, đảm bảo 100% người dân được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn; cải tạo, hoàn thiện hệ thống thoát nước khu dân cư, hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường và ngập úng.

Từng bước đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt; ưu tiên các khu dân cư tập trung, khu vực có nguy cơ ô nhiễm cao.

Tăng cường đầu tư các công trình, thiết bị phục vụ bảo vệ môi trường; hỗ trợ đơn vị thu gom rác thải nâng cao năng lực hoạt động, từng bước chuyên nghiệp hóa công tác thu gom, vận chuyển.

Xây dựng cảnh quan nông thôn sáng – xanh – sạch – đẹp – bền vững; phát động phong trào trồng cây xanh, chỉnh trang đường làng, ngõ xóm, khu dân cư.

Gắn đầu tư hạ tầng môi trường với cơ chế tài chính phù hợp: từng bước điều chỉnh phí thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải theo khối lượng hoặc theo mức độ phát sinh; khuyến khích xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường.

Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động bảo vệ môi trường; nâng cao ý thức của Nhân dân trong giữ gìn vệ sinh môi trường và sử dụng công trình hạ tầng.

8. Giải pháp huy động và sử dụng nguồn lực

Huy động tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới nâng cao, bao gồm: ngân sách nhà nước, vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án, nguồn xã hội hóa, doanh nghiệp và đóng góp của Nhân dân.

Ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư cho các công trình hạ tầng thiết yếu, công trình trọng điểm, có tính lan tỏa cao, trực tiếp phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống Nhân dân.

Thực hiện lồng ghép hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án đang triển khai trên địa bàn; tránh trùng lặp, chồng chéo, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

Đẩy mạnh xã hội hóa trong các lĩnh vực: hạ tầng, môi trường, giáo dục, y tế, văn hóa, thương mại – dịch vụ; khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển.

Tạo cơ chế, điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư; khai thác hiệu quả quỹ đất, nguồn lực tại chỗ; gắn huy động nguồn lực với quy hoạch và định hướng phát triển kinh tế của địa phương.

Thực hiện huy động sự tham gia của Nhân dân theo nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch, đảm bảo “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng thụ”.

Tăng cường quản lý đầu tư xây dựng; nâng cao chất lượng công tác lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai các dự án; đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình.

Thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng nguồn lực; tăng cường kiểm tra, giám sát, phòng chống thất thoát, lãng phí, tiêu cực.

Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ trong công tác quản lý, sử dụng nguồn lực; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý đầu tư và tài chính.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VỀ SẢN XUẤT VÀ TỔ CHỨC KINH TẾ NÔNG THÔN

1. Về tổ chức lại sản xuất nông nghiệp

Tổ chức rà soát, đánh giá toàn diện hiện trạng sản xuất nông nghiệp trên địa bàn; trên cơ sở đó sắp xếp, tổ chức lại sản xuất theo hướng tập trung, quy mô phù hợp, hiệu quả cao, gắn với quy hoạch vùng sản xuất và định hướng phát triển kinh tế của địa phương.

Hình thành và phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung đối với các sản phẩm chủ lực như cây vải, cây ăn quả và nuôi trồng thủy sản; đảm bảo đồng bộ về hạ tầng, giống, kỹ thuật và tổ chức sản xuất.

Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng giảm diện tích sản xuất kém hiệu quả, mở rộng các mô hình sản xuất có giá trị kinh tế cao; nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp.

Khuyến khích tích tụ, tập trung ruộng đất thông qua các hình thức phù hợp (dồn điền đổi thửa, thuê đất, góp đất...); tạo điều kiện phát triển sản xuất quy mô lớn, ứng dụng khoa học công nghệ.

Tổ chức lại sản xuất theo hướng gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất – thu hoạch – bảo quản – tiêu thụ; giảm chi phí trung gian, nâng cao giá trị sản phẩm.

Đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào tổ chức sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất tiên tiến, tiêu chuẩn chất lượng (VietGAP, hữu cơ...); nâng cao năng suất, chất lượng và an toàn thực phẩm.

Gắn tổ chức sản xuất với xây dựng mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm; đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

Tăng cường vai trò quản lý, hướng dẫn của chính quyền trong tổ chức lại sản xuất; hỗ trợ người dân chuyển đổi phương thức sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế.

2. Về phát triển kinh tế tập thể

Tập trung củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn theo đúng quy định của pháp luật; phấn đấu 100% hợp tác xã hoạt động hiệu quả, đúng bản chất kinh tế tập thể.

Rà soát, đánh giá thực trạng hoạt động của các hợp tác xã; xây dựng phương án củng cố đối với các hợp tác xã hoạt động chưa hiệu quả; khuyến khích thành lập mới các hợp tác xã trong các lĩnh vực có tiềm năng.

Hỗ trợ hợp tác xã xây dựng phương án sản xuất kinh doanh gắn với nhu cầu thị trường; nâng cao năng lực quản trị, điều hành, tài chính và tổ chức sản xuất.

Phát triển hợp tác xã theo hướng đa dịch vụ, không chỉ cung cấp đầu vào (giống, vật tư) mà còn tham gia các khâu thu mua, sơ chế, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm cho thành viên.

Tăng cường vai trò của hợp tác xã là đầu mối tổ chức sản xuất và liên kết chuỗi giá trị, kết nối giữa nông dân với doanh nghiệp trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Hỗ trợ hợp tác xã tiếp cận các nguồn vốn tín dụng, khoa học công nghệ, chuyển đổi số; từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động.

Khuyến khích các hợp tác xã tham gia xây dựng mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, phát triển sản phẩm OCOP, xây dựng thương hiệu sản phẩm địa phương.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động của hợp tác xã; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động.

3. Về liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị

Đẩy mạnh tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, bảo đảm liên kết chặt chẽ từ khâu sản xuất – thu hoạch – sơ chế – chế biến – tiêu thụ, nâng cao giá trị gia tăng và tính bền vững của sản phẩm.

Thúc đẩy xây dựng các mô hình liên kết giữa nông dân – hợp tác xã – doanh nghiệp, trong đó hợp tác xã giữ vai trò đầu mối tổ chức sản xuất, doanh nghiệp tham gia bao tiêu sản phẩm, hỗ trợ kỹ thuật và thị trường.

Lựa chọn các sản phẩm chủ lực của địa phương như cây vải, cây ăn quả và thủy sản để xây dựng mô hình liên kết chuỗi giá trị; từng bước nhân rộng các mô hình hiệu quả.

Hỗ trợ ký kết hợp đồng liên kết sản xuất – tiêu thụ giữa người dân, hợp tác xã và doanh nghiệp; đảm bảo tính ổn định, lâu dài, hạn chế tình trạng “được mùa mất giá”.

Tăng cường vai trò của hợp tác xã trong cung ứng dịch vụ đầu vào (giống, vật tư), hướng dẫn kỹ thuật, tổ chức sản xuất theo quy trình thống nhất và kiểm soát chất lượng sản phẩm.

Gắn liên kết sản xuất với xây dựng mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn chất lượng (VietGAP, hữu cơ...), đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sơ chế, bảo quản, chế biến nông sản, góp phần kéo dài chuỗi giá trị, nâng cao giá trị sản phẩm.

Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, kết nối cung – cầu; hỗ trợ các chủ thể tham gia chuỗi giá trị tiếp cận thị trường, mở rộng đầu ra cho sản phẩm.

Nâng cao vai trò quản lý nhà nước trong phát triển liên kết chuỗi; hướng dẫn, hỗ trợ, giám sát việc thực hiện các mô hình liên kết; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

4. Về phát triển ngành nghề nông thôn

Khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn và dịch vụ theo hướng đa dạng, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, giảm tỷ trọng lao động nông nghiệp.

Rà soát, đánh giá tiềm năng các ngành nghề hiện có; tạo điều kiện duy trì, mở rộng các cơ sở sản xuất, kinh doanh hiệu quả; khuyến khích phát triển các ngành nghề mới có giá trị kinh tế cao.

Hỗ trợ các cơ sở sản xuất, hộ kinh doanh đổi mới công nghệ, cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm; tăng khả năng cạnh tranh và mở rộng thị trường tiêu thụ.

Gắn phát triển ngành nghề nông thôn với chương trình OCOP, xây dựng thương hiệu sản phẩm địa phương; phát triển các sản phẩm đặc trưng có lợi thế.

Khuyến khích phát triển các mô hình sản xuất gắn với chế biến nông sản, dịch vụ hậu cần nông nghiệp, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm và tạo việc làm tại chỗ.

Tăng cường đào tạo nghề cho lao động nông thôn; hỗ trợ chuyển đổi nghề cho lao động dư thừa trong nông nghiệp sang các ngành nghề có thu nhập cao hơn.

Tạo điều kiện thuận lợi về mặt bằng sản xuất, vốn vay, khoa học kỹ thuật và thông tin thị trường cho các tổ chức, cá nhân phát triển ngành nghề nông thôn.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động ngành nghề nông thôn; đảm bảo phát triển bền vững, gắn với bảo vệ môi trường.

5. Về phát triển sản phẩm chủ lực và OCOP

Tập trung phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của địa phương theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh; trong đó ưu tiên các sản phẩm có lợi thế như cây vải, cây ăn quả và thủy sản.

Tổ chức sản xuất các sản phẩm chủ lực theo hướng hàng hóa tập trung, quy mô phù hợp, gắn với quy hoạch vùng sản xuất và liên kết chuỗi giá trị; đảm bảo đồng bộ từ sản xuất đến tiêu thụ.

Đẩy mạnh triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); lựa chọn các sản phẩm có tiềm năng để xây dựng, phát triển thành sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên, từng bước nâng hạng sản phẩm.

Hỗ trợ các chủ thể OCOP (hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ sản xuất) hoàn thiện quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng, mẫu mã, bao bì, nhãn hiệu sản phẩm; đáp ứng yêu cầu thị trường.

Gắn phát triển sản phẩm OCOP với xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc, mã số vùng trồng; nâng cao uy tín, mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài địa phương.

Khuyến khích phát triển các sản phẩm OCOP gắn với chế biến nông sản, dịch vụ và du lịch nông thôn; từng bước hình thành các sản phẩm đặc trưng có giá trị cao.

Tăng cường xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm OCOP thông qua các hội chợ, triển lãm, kết nối cung – cầu; hỗ trợ tham gia các sàn thương mại điện tử, nền tảng số.

Nâng cao vai trò quản lý nhà nước trong phát triển sản phẩm chủ lực và OCOP; hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá, phân hạng sản phẩm; kịp thời hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho các chủ thể.

6. Về ứng dụng khoa học công nghệ trong tổ chức sản xuất

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào tổ chức sản xuất nông nghiệp theo quy trình đồng bộ, thống nhất, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế.

Hướng dẫn, hỗ trợ người dân, hợp tác xã áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến (VietGAP, hữu cơ, an toàn sinh học...), đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng và an toàn thực phẩm.

Triển khai các mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh gắn với điều kiện thực tế của địa phương; ưu tiên trong sản xuất cây vải, cây ăn quả và nuôi trồng thủy sản.

Ứng dụng công nghệ trong các khâu giống, canh tác, thu hoạch, bảo quản và sơ chế, giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao giá trị sản phẩm.

Gắn ứng dụng khoa học công nghệ với xây dựng mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm và quản lý chất lượng; đáp ứng yêu cầu thị trường và liên kết chuỗi giá trị.

Từng bước ứng dụng công nghệ số trong quản lý sản xuất như: nhật ký sản xuất điện tử, số hóa vùng trồng, quản lý quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn.

Hỗ trợ các hợp tác xã, tổ hợp tác và hộ sản xuất tiếp cận công nghệ mới; tổ chức tập huấn, chuyên giao tiến bộ kỹ thuật, nâng cao năng lực ứng dụng khoa học công nghệ.

Tăng cường vai trò của chính quyền trong việc định hướng, hướng dẫn, kiểm tra việc ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất; nhân rộng các mô hình hiệu quả.

7. Về đào tạo nguồn nhân lực nông thôn

Tăng cường công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng thiết thực, gắn với nhu cầu thị trường và định hướng phát triển kinh tế của địa phương; góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, giảm tỷ trọng lao động nông nghiệp.

Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn kỹ thuật sản xuất nông nghiệp tiên tiến cho người dân, đặc biệt trong các lĩnh vực cây vải, cây ăn quả và nuôi trồng thủy sản; nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về quản lý, kinh doanh, khởi nghiệp cho các chủ thể kinh tế nông thôn (hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất, doanh nghiệp nhỏ).

Tăng cường đào tạo kỹ năng ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh, giúp người dân thích ứng với yêu cầu phát triển mới.

Hỗ trợ đào tạo nghề và chuyển đổi nghề cho lao động nông thôn, đặc biệt là lao động dư thừa trong lĩnh vực nông nghiệp; tạo điều kiện tham gia các ngành nghề có thu nhập cao hơn.

Khuyến khích lao động trẻ, lao động có trình độ tham gia phát triển kinh tế nông thôn; thúc đẩy phong trào khởi nghiệp tại địa phương.

Tăng cường phối hợp với các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp trong công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm; nâng cao hiệu quả sau đào tạo.

Nâng cao vai trò quản lý nhà nước trong công tác đào tạo nghề; thường xuyên rà soát nhu cầu đào tạo, đảm bảo đào tạo đúng đối tượng, đúng nhu cầu, hiệu quả thiết thực.

8. Về cơ chế, chính sách hỗ trợ

Tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời các cơ chế, chính sách của Trung ương, thành phố về phát triển nông nghiệp, nông thôn và kinh tế tập thể; đảm bảo người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp được tiếp cận và thụ hưởng chính sách.

Xây dựng và ban hành các cơ chế hỗ trợ phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, tập trung vào các lĩnh vực: tổ chức sản xuất, liên kết chuỗi giá trị, phát triển hợp tác xã, sản phẩm OCOP và ngành nghề nông thôn.

Hỗ trợ người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi, quỹ hỗ trợ phát triển; tạo điều kiện thuận lợi để mở rộng sản xuất, kinh doanh.

Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, chuyên giao tiến bộ kỹ thuật; hỗ trợ xây dựng mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm.

Hỗ trợ phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung – cầu, tham gia hội chợ, triển lãm và sàn thương mại điện tử.

Khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; tạo cơ chế thuận lợi để doanh nghiệp tham gia liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn; hỗ trợ chuyển đổi nghề, tạo việc làm cho lao động nông thôn.

Tăng cường công tác quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các cơ chế, chính sách; đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng mục đích và hiệu quả.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VỀ VĂN HÓA – XÃ HỘI

1. Về giáo dục và đào tạo

Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục các cấp, nâng cao chất lượng dạy và học, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học theo hướng đồng bộ, hiện đại; từng bước hoàn thiện các tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia và nâng cao chất lượng trường chuẩn.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giáo dục; từng bước triển khai mô hình lớp học thông minh, số hóa tài liệu dạy và học.

Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục; chú trọng bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng sư phạm đáp ứng yêu cầu đổi mới.

Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; tăng cường giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh.

Tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác giáo dục; huy động các nguồn lực tham gia phát triển giáo dục.

Quan tâm công tác khuyến học, khuyến tài; phát triển phong trào học tập suốt đời trong Nhân dân; nâng cao dân trí, chất lượng nguồn nhân lực địa phương.

2. Về y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Nâng cao chất lượng hoạt động của trạm y tế xã theo hướng đáp ứng đầy đủ chức năng chăm sóc sức khỏe ban đầu, quản lý sức khỏe Nhân dân trên địa bàn.

Tiếp tục đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế; đảm bảo trạm y tế đạt chuẩn quốc gia và đủ điều kiện phục vụ khám, chữa bệnh ban đầu cho người dân.

Nâng cao chất lượng đội ngũ y, bác sĩ; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; từng bước đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe trong tình hình mới.

Tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh; chủ động giám sát, phát hiện sớm, xử lý kịp thời các ổ dịch, không để dịch bệnh lây lan trên diện rộng.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về chăm sóc sức khỏe, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm và phòng bệnh.

Triển khai hiệu quả các chương trình y tế quốc gia; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế, phấn đấu đạt tỷ lệ theo quy định.

Tăng cường quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm; kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn.

Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý và khám, chữa bệnh; từng bước triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử, nâng cao hiệu quả quản lý và phục vụ người dân.

3. Về văn hóa và đời sống tinh thần

Xây dựng và phát triển đời sống văn hóa cơ sở theo hướng văn minh, lành mạnh, giàu bản sắc; nâng cao chất lượng phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”*.

Nâng cao chất lượng các danh hiệu gia đình văn hóa, thôn văn hóa theo hướng thực chất, tránh hình thức; gắn với việc chấp hành pháp luật, xây dựng nếp sống văn minh và giữ gìn an ninh trật tự.

Tổ chức đa dạng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng; khuyến khích Nhân dân tham gia rèn luyện sức khỏe, nâng cao đời sống tinh thần.

Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương; giữ gìn phong tục, tập quán tốt đẹp, từng bước loại bỏ các hủ tục lạc hậu.

Xây dựng và thực hiện hiệu quả hương ước, quy ước tại thôn, khu dân cư; phát huy vai trò tự quản của cộng đồng trong xây dựng đời sống văn hóa.

Gắn phát triển văn hóa với xây dựng môi trường sống sáng – xanh – sạch – đẹp, xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức của Nhân dân trong việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa; xây dựng con người phát triển toàn diện.

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa; kiểm tra, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm trong hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa trên địa bàn.

4. Về an sinh xã hội và giảm nghèo

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách an sinh xã hội đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng yếu thế; đảm bảo đúng đối tượng, công khai, minh bạch.

Triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo theo hướng bền vững, đa chiều; phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo hằng năm theo chỉ tiêu đề ra, hạn chế tái nghèo.

Hỗ trợ phát triển sinh kế, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, đặc biệt là hộ nghèo, cận nghèo; gắn giảm nghèo với phát triển sản xuất và đào tạo nghề.

Tăng cường công tác rà soát, cập nhật, quản lý đối tượng thụ hưởng chính sách; đảm bảo chính sách được thực hiện đúng, đủ, kịp thời.

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong lĩnh vực an sinh xã hội; huy động sự tham gia của cộng đồng, doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong việc chăm lo đời sống cho các đối tượng khó khăn.

Quan tâm hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn; cải thiện điều kiện sống, từng bước nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân.

Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về tự lực vươn lên thoát nghèo, hạn chế tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực an sinh xã hội; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, kịp thời phát hiện và

5. Về lao động, việc làm

Đẩy mạnh công tác giải quyết việc làm cho lao động nông thôn theo hướng ổn định, bền vững, gắn với phát triển kinh tế địa phương và nhu cầu thị trường lao động.

Thực hiện chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm tỷ trọng lao động nông nghiệp, tăng tỷ trọng lao động trong công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

Hỗ trợ người lao động tiếp cận thông tin thị trường lao động; tư vấn, giới thiệu việc làm phù hợp với trình độ, kỹ năng.

Khuyến khích phát triển các mô hình sản xuất, kinh doanh tại địa phương để tạo việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho người dân.

Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm; nâng cao chất lượng nguồn lao động, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường.

Khuyến khích, hỗ trợ người lao động tham gia xuất khẩu lao động theo quy định; mở rộng cơ hội việc làm và nâng cao thu nhập.

Tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tiếp cận các nguồn vốn vay giải quyết việc làm; hỗ trợ khởi nghiệp, phát triển sản xuất kinh doanh.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về lao động, việc làm; theo dõi, cập nhật tình hình lao động trên địa bàn; kịp thời có giải pháp hỗ trợ phù hợp.

6. Về công tác thông tin, tuyên truyền

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tạo sự đồng thuận trong Nhân dân, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền theo hướng ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp với từng đối tượng, đảm bảo thông tin kịp thời, chính xác, thiết thực.

Phát huy hiệu quả hoạt động của hệ thống truyền thanh cơ sở; nâng cao chất lượng nội dung phát thanh; duy trì thời lượng phát sóng hợp lý, đáp ứng nhu cầu thông tin của Nhân dân.

Phát huy vai trò của Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công xã Hà Đông trong công tác phát thanh – truyền thanh; chủ động xây dựng chương trình, chuyên mục tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác tuyên truyền; từng bước đa dạng hóa các kênh thông tin như mạng xã hội, nền tảng số, hệ thống thông tin điện tử.

Tăng cường tuyên truyền các nội dung trọng tâm như: xây dựng nông thôn mới nâng cao, bảo vệ môi trường, chuyển đổi số, phát triển sản xuất, giữ gìn an ninh trật tự.

Nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác thông tin, tuyên truyền; đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về thông tin, tuyên truyền; kiểm soát nội dung thông tin, kịp thời xử lý các thông tin sai lệch, không chính xác.

7. Về xây dựng nếp sống văn minh, đảm bảo an ninh trật tự

Xây dựng và thực hiện nếp sống văn minh trong cộng đồng dân cư; đẩy mạnh thực hiện quy ước, hương ước tại thôn, khu dân cư theo hướng văn minh, tiến bộ, phù hợp quy định pháp luật.

Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội; loại bỏ các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh.

Gắn xây dựng nếp sống văn minh với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, xây dựng gia đình văn hóa, thôn văn hóa thực chất, hiệu quả.

Tăng cường công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; chủ động nắm tình hình, kịp thời phát hiện, xử lý các vấn đề phát sinh ngay từ cơ sở.

Đẩy mạnh phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”; phát huy vai trò của Nhân dân trong phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội.

Xây dựng, nhân rộng các mô hình tự quản về an ninh trật tự tại thôn, khu dân cư; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa lực lượng công an và các tổ chức đoàn thể.

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật; nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của Nhân dân; hạn chế vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội.

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh trật tự; tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, đảm bảo môi trường sống an toàn, ổn định.

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VỀ MÔI TRƯỜNG

1. Về công tác quản lý môi trường

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn; tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời các quy định của pháp luật về môi trường.

Rà soát, cập nhật và quản lý chặt chẽ các nguồn phát sinh chất thải, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chăn nuôi; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý môi trường.

Phân công rõ trách nhiệm cho các bộ phận chuyên môn, các thôn, khu dân cư và các tổ chức liên quan trong công tác bảo vệ môi trường; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường hằng năm; lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường; kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm.

Phát huy vai trò giám sát của cộng đồng dân cư trong công tác bảo vệ môi trường; khuyến khích Nhân dân tham gia phát hiện, phản ánh các hành vi gây ô nhiễm môi trường.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý môi trường; từng bước số hóa dữ liệu, nâng cao hiệu quả theo dõi, giám sát.

Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác môi trường; đảm bảo đáp ứng yêu cầu quản lý trong tình hình mới.

2. Về thu gom, xử lý chất thải

Tổ chức hiệu quả hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn; đảm bảo duy trì tỷ lệ thu gom, xử lý đạt 100% theo quy định, không để tồn đọng, gây ô nhiễm môi trường.

Kiện toàn, nâng cao năng lực hoạt động của tổ/đơn vị thu gom rác thải theo hướng chuyên nghiệp, ổn định; từng bước chuyển đổi sang mô hình hợp tác xã dịch vụ môi trường (nếu đủ điều kiện).

Triển khai đồng bộ phân loại rác thải tại nguồn theo quy định; hướng dẫn người dân thực hiện phân loại phù hợp (rác hữu cơ, rác tái chế, rác còn lại); tổ chức thu gom, vận chuyển tương ứng với từng loại rác.

Tăng cường kiểm soát và xử lý chất thải trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, sản xuất kinh doanh; yêu cầu các cơ sở thực hiện các biện pháp xử lý chất thải đảm bảo quy định.

Khuyến khích áp dụng các mô hình xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình (ủ rác hữu cơ, tận dụng làm phân bón); giảm lượng rác phải vận chuyển, xử lý tập trung.

Từng bước áp dụng các giải pháp giảm thiểu rác thải nhựa, hạn chế sử dụng túi nilon khó phân hủy; thúc đẩy thói quen tiêu dùng thân thiện với môi trường.

Xây dựng cơ chế phối hợp giữa chính quyền, đơn vị thu gom và Nhân dân trong công tác thu gom, xử lý rác thải; đảm bảo hoạt động thông suốt, hiệu quả.

3. Về bảo vệ môi trường trong sản xuất và sinh hoạt

Tăng cường hướng dẫn, kiểm soát các hoạt động sản xuất nông nghiệp theo hướng an toàn, thân thiện với môi trường; sử dụng hợp lý phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, hạn chế tồn dư hóa chất gây ô nhiễm đất, nước.

Khuyến khích phát triển các mô hình nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn; áp dụng các biện pháp canh tác bền vững, giảm thiểu tác động đến môi trường.

Kiểm soát chặt chẽ hoạt động chăn nuôi; yêu cầu các hộ, cơ sở chăn nuôi thực hiện các biện pháp thu gom, xử lý chất thải (hầm biogas, đệm lót sinh học...), không để phát sinh ô nhiễm môi trường.

Tăng cường quản lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản; hướng dẫn xử lý nước thải, bùn thải, đảm bảo không gây ô nhiễm nguồn nước xung quanh.

Kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn trong việc chấp hành quy định về bảo vệ môi trường; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

Nâng cao ý thức của Nhân dân trong sinh hoạt hằng ngày: giữ gìn vệ sinh môi trường, không xả rác bừa bãi, không đổ chất thải ra kênh mương, ao hồ.

Khuyến khích các hộ gia đình xây dựng, cải tạo công trình vệ sinh đạt chuẩn; đảm bảo vệ sinh môi trường trong khu dân cư.

Gắn bảo vệ môi trường trong sản xuất và sinh hoạt với các phong trào xây dựng khu dân cư sáng – xanh – sạch – đẹp, nâng cao chất lượng môi trường sống.

4. Về xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn

Xây dựng cảnh quan nông thôn theo hướng sáng – xanh – sạch – đẹp – bền vững; tạo môi trường sống văn minh, thân thiện, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân.

Tổ chức chỉnh trang khu dân cư, đường làng, ngõ xóm; duy trì vệ sinh môi trường thường xuyên, không để phát sinh điểm ô nhiễm, tồn đọng rác thải.

Phát động và duy trì các phong trào trồng cây xanh, trồng hoa, xây dựng tuyến đường kiểu mẫu, tạo cảnh quan đồng bộ, có tính thẩm mỹ cao.

Xây dựng, nhân rộng các mô hình khu dân cư sáng – xanh – sạch – đẹp, tuyến đường tự quản về môi trường; phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân.

Tăng cường công tác chiếu sáng, chỉnh trang hệ thống biển báo, pano tuyên truyền; đảm bảo cảnh quan gọn gàng, ngăn nắp, thuận tiện sinh hoạt.

Gắn xây dựng cảnh quan với việc thực hiện hương ước, quy ước tại thôn, khu dân cư; nâng cao ý thức tự giác của người dân trong giữ gìn môi trường.

Duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu; đảm bảo tính bền vững, không mang tính phong trào.

5. Về cơ chế tài chính và xã hội hóa môi trường

Xây dựng và hoàn thiện cơ chế tài chính trong công tác bảo vệ môi trường theo hướng tính đúng, tính đủ chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải, đảm bảo hoạt động ổn định, bền vững.

Rà soát, điều chỉnh mức thu phí dịch vụ vệ sinh môi trường phù hợp với điều kiện thực tế; thực hiện thu phí theo nguyên tắc công khai, minh bạch, đúng quy định.

Nghiên cứu áp dụng cơ chế thu phí theo khối lượng hoặc theo mức độ phát sinh rác thải; từng bước gắn trách nhiệm của người dân với lượng rác thải phát sinh.

Khuyến khích, áp dụng cơ chế giảm phí hoặc hỗ trợ đối với các hộ thực hiện tốt phân loại rác tại nguồn, góp phần nâng cao ý thức và hiệu quả xử lý chất thải.

Đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường; khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đầu tư, cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải.

Hỗ trợ, tạo điều kiện để chuyển đổi các tổ, nhóm thu gom rác sang mô hình hợp tác xã dịch vụ môi trường, hoạt động chuyên nghiệp, hiệu quả.

Huy động nguồn lực từ cộng đồng dân cư trong công tác bảo vệ môi trường theo nguyên tắc tự nguyện, có sự đồng thuận cao, gắn với quyền lợi và trách nhiệm của người dân.

Tăng cường công tác quản lý, giám sát việc thu, chi kinh phí dịch vụ môi trường; đảm bảo sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí.

6. Về công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vai trò, ý nghĩa của việc huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực trong xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền theo hướng thiết thực, dễ hiểu, dễ thực hiện, phù hợp với từng đối tượng; chú trọng tuyên truyền trực tiếp tại cộng đồng dân cư.

Phát huy hiệu quả hệ thống truyền thanh cơ sở; xây dựng các chuyên mục, tin bài tuyên truyền về các mô hình, cách làm hiệu quả, các điển hình tiên tiến trong huy động nguồn lực.

Tăng cường tuyên truyền về các nguyên tắc công khai, minh bạch, tự nguyện trong huy động đóng góp của Nhân dân; tạo sự đồng thuận và thống nhất cao trong cộng đồng.

Gắn công tác tuyên truyền với việc thực hiện các nhiệm vụ cụ thể như: xây dựng công trình hạ tầng, bảo vệ môi trường, phát triển sản xuất, chỉnh trang cảnh quan.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia thực hiện Đề án.

Kịp thời biểu dương, nhân rộng các mô hình, cá nhân tiêu biểu trong tham gia đóng góp, huy động nguồn lực; tạo sức lan tỏa trong cộng đồng.

Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác tuyên truyền; đa dạng hóa các kênh thông tin như mạng xã hội, nền tảng số, hệ thống thông tin điện tử.

7. Về kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường đối với các hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh, chăn nuôi trên địa bàn.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ và đột xuất; tập trung vào các lĩnh vực có nguy cơ gây ô nhiễm cao như chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, sản xuất kinh doanh và thu gom, xử lý rác thải.

Kịp thời phát hiện, lập biên bản và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định; đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa và giáo dục.

Công khai các hành vi vi phạm và kết quả xử lý (nếu cần thiết) nhằm nâng cao ý thức chấp hành của tổ chức, cá nhân.

Phát huy vai trò giám sát của cộng đồng dân cư; khuyến khích Nhân dân tham gia phát hiện, phản ánh các hành vi gây ô nhiễm môi trường.

Tăng cường phối hợp giữa các lực lượng (chính quyền, công an, các đoàn thể) trong công tác kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận, xử lý phản ánh của người dân; từng bước xây dựng kênh tiếp nhận thông tin nhanh, hiệu quả.

Định kỳ đánh giá kết quả công tác kiểm tra, giám sát; rút kinh nghiệm, điều chỉnh giải pháp phù hợp với tình hình thực tế.

PHẦN IV. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

I. NGUỒN VỐN

Nguồn vốn thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới xã Hà Đông giai đoạn 2026 – 2030 được huy động từ nhiều nguồn, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tế của địa phương, cụ thể:

Ngân sách Nhà nước: Bao gồm ngân sách Trung ương, ngân sách thành phố và ngân sách địa phương (cấp huyện, cấp xã) hỗ trợ thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án: Lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội khác trên địa bàn;

Vốn tín dụng: Nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng, ngân hàng để phát triển sản xuất, kinh doanh, xây dựng cơ sở hạ tầng;

Vốn doanh nghiệp, hợp tác xã: Nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia phát triển sản xuất, kinh doanh, xây dựng hạ tầng nông thôn;

Vốn huy động từ Nhân dân: Đóng góp của người dân theo nguyên tắc tự nguyện, phù hợp với khả năng; chủ yếu bằng tiền, ngày công lao động, hiến đất, tài sản... để xây dựng cơ sở hạ tầng và cải thiện môi trường sống;

Nguồn vốn xã hội hóa: Huy động từ các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm trong và ngoài địa phương tham gia đóng góp xây dựng nông thôn mới;

Các nguồn vốn hợp pháp khác: Bao gồm các nguồn viện trợ, tài trợ và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định.

II. GIẢI PHÁP VỀ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC

1. Về huy động nguồn lực

Huy động tối đa các nguồn lực hợp pháp để thực hiện Đề án, bao gồm: ngân sách nhà nước (Trung ương, thành phố, huyện), vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án, vốn doanh nghiệp, nguồn xã hội hóa và đóng góp của Nhân dân.

Chủ động xây dựng kế hoạch huy động nguồn lực theo từng giai đoạn (hàng năm, trung hạn); xác định rõ nhu cầu vốn cho từng lĩnh vực, từng công trình, dự án.

Tăng cường thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, quỹ đất, thủ tục hành chính để doanh nghiệp tham gia phát triển sản xuất, dịch vụ và hạ tầng.

Đẩy mạnh huy động nguồn lực xã hội hóa trong các lĩnh vực môi trường, giáo dục, y tế, văn hóa, thương mại – dịch vụ; giảm dần sự phụ thuộc vào ngân sách nhà nước.

Huy động sự tham gia của Nhân dân theo nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch; phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới.

Thực hiện tốt phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”, trong đó Nhà nước giữ vai trò định hướng, hỗ trợ; Nhân dân chủ động tham gia thực hiện và hưởng lợi.

Khuyến khích các hình thức huy động nguồn lực linh hoạt như: đóng góp ngày công lao động, hiến đất, tài sản, tham gia quản lý, vận hành công trình.

2. Về lồng ghép và sử dụng nguồn lực

Thực hiện lồng ghép hiệu quả các nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, vốn sự nghiệp và vốn đầu tư công trên địa bàn; đảm bảo đồng bộ, tránh chồng chéo, trùng lặp.

Rà soát, xác định rõ thứ tự ưu tiên trong bố trí và sử dụng nguồn lực; tập trung vào các công trình, dự án trọng điểm, thiết yếu, có tác động trực tiếp đến phát triển sản xuất và nâng cao đời sống Nhân dân.

Thực hiện nguyên tắc không dàn trải nguồn lực; ưu tiên hoàn thành dứt điểm từng công trình, hạng mục trước khi triển khai các nội dung mới.

Gắn việc sử dụng nguồn lực với mục tiêu cụ thể của từng tiêu chí nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu; đảm bảo hiệu quả đầu tư và khả năng duy trì bền vững.

Tăng cường công tác phối hợp giữa các ngành, lĩnh vực trong việc sử dụng nguồn lực; đảm bảo tính liên kết, đồng bộ giữa hạ tầng – sản xuất – môi trường – văn hóa – xã hội.

Nâng cao chất lượng công tác lập, thẩm định và phê duyệt dự án; đảm bảo các công trình, dự án phù hợp với quy hoạch và nhu cầu thực tế của địa phương.

Thực hiện công khai, minh bạch trong phân bổ và sử dụng nguồn lực; phát huy vai trò giám sát của cộng đồng dân cư, đảm bảo hiệu quả và phòng chống thất thoát, lãng phí.

Định kỳ đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn lực; kịp thời điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư phù hợp với tình hình thực tế.

3. Về xã hội hóa và huy động Nhân dân

Đẩy mạnh xã hội hóa trong thực hiện Đề án, huy động sự tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp và Nhân dân trong các lĩnh vực hạ tầng, môi trường, giáo dục, y tế, văn hóa, thương mại – dịch vụ.

Huy động sự đóng góp của Nhân dân trên nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch, phù hợp khả năng, không áp đặt, không gây bức xúc trong Nhân dân.

Thực hiện tốt phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng thụ” trong toàn bộ quá trình triển khai các công trình, dự án.

Công khai đầy đủ các nội dung liên quan đến huy động và sử dụng nguồn lực (mục tiêu, quy mô, kinh phí, hình thức huy động...); tạo sự đồng thuận cao trong cộng đồng dân cư.

Phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân trong xây dựng nông thôn mới; khuyến khích các hình thức tham gia như đóng góp ngày công lao động, hiến đất, tài sản, tham gia quản lý, duy tu, bảo dưỡng công trình.

Tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong công tác vận động, tuyên truyền, tạo sự thống nhất trong Nhân dân.

Kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong tham gia xây dựng nông thôn mới; nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả.

Chủ động nắm bắt tình hình, giải quyết kịp thời các kiến nghị, phản ánh của Nhân dân; hạn chế phát sinh khiếu kiện, đảm bảo ổn định tình hình cơ sở.

4. Về quản lý, sử dụng nguồn lực

Nâng cao chất lượng công tác lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án; đảm bảo phù hợp quy hoạch, đúng mục tiêu, đúng đối tượng và nhu cầu thực tế của địa phương.

Thực hiện quản lý, sử dụng nguồn lực theo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch; đảm bảo đúng quy định của pháp luật, tránh thất thoát, lãng phí.

Tăng cường công tác công khai trong phân bổ, sử dụng nguồn lực; tạo điều kiện để Nhân dân và cộng đồng tham gia giám sát.

Đẩy mạnh thực hiện giám sát đầu tư của cộng đồng đối với các công trình, dự án trên địa bàn; kịp thời phát hiện, kiến nghị xử lý các sai phạm (nếu có).

Tăng cường kiểm tra, thanh tra trong quá trình triển khai thực hiện; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong quản lý, sử dụng nguồn lực.

Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong quản lý, sử dụng nguồn lực; gắn trách nhiệm với kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý nguồn lực; theo dõi tiến độ, kiểm soát chi phí và đánh giá hiệu quả đầu tư.

Định kỳ đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn lực; thực hiện điều chỉnh, bổ sung kịp thời để nâng cao hiệu quả đầu tư.

5. Về nâng cao năng lực quản lý nguồn lực

Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức trong công tác quản lý đầu tư công, tài chính – ngân sách, xây dựng cơ bản; đáp ứng yêu cầu quản lý trong tình hình mới.

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác quản lý nguồn lực; cập nhật kịp thời các quy định, chính sách mới của Nhà nước.

Nâng cao trách nhiệm, đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ; gắn trách nhiệm người đứng đầu với hiệu quả quản lý, sử dụng nguồn lực.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý nguồn lực; từng bước số hóa quy trình lập kế hoạch, theo dõi tiến độ, quản lý chi phí và đánh giá hiệu quả đầu tư.

Hoàn thiện quy trình quản lý nội bộ trong việc lập kế hoạch, phân bổ, sử dụng và quyết toán nguồn lực; đảm bảo rõ trách nhiệm, rõ quy trình, dễ kiểm soát.

Tăng cường phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn trong quản lý và sử dụng nguồn lực; đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả trong triển khai các chương trình, dự án.

Thực hiện đánh giá định kỳ năng lực quản lý và hiệu quả sử dụng nguồn lực; kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế.

Khuyến khích đổi mới, sáng tạo trong công tác quản lý; áp dụng các mô hình quản lý hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

PHẦN VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Nội dung thực hiện

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng ủy xã trong việc triển khai thực hiện Đề án; xác định xây dựng nông thôn mới nâng cao là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên của địa phương;

UBND xã trực tiếp tổ chức triển khai thực hiện Đề án; xây dựng kế hoạch cụ thể theo từng năm, từng giai đoạn; phân công nhiệm vụ rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ trách nhiệm;

Sử dụng Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của xã làm đầu mối chỉ đạo thống nhất; thường xuyên kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo;

Phân công các đồng chí trong Ban Thường vụ Đảng ủy, lãnh đạo UBND xã phụ trách từng lĩnh vực, từng thôn; tăng cường kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện;

Đưa nội dung thực hiện Đề án vào chương trình công tác hàng năm; gắn kết quả thực hiện với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân;

Kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện;

Phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị; huy động sự tham gia của Nhân dân trong triển khai thực hiện;

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; đảm bảo Đề án được triển khai đồng bộ, hiệu quả.

2. Công tác tuyên truyền, vận động

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về mục tiêu, ý nghĩa, nội dung và lộ trình thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao; tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong toàn hệ thống chính trị và Nhân dân;

Tổ chức tuyên truyền thường xuyên, đa dạng hình thức như: hội nghị, sinh hoạt chi bộ, họp thôn, tuyên truyền trực tiếp, thông qua hệ thống truyền thanh cơ sở.

Phát huy hiệu quả hệ thống truyền thanh xã trong công tác tuyên truyền; xây dựng chuyên mục, tin bài tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới.

Lồng ghép nội dung tuyên truyền vào các phong trào, cuộc vận động như “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Toàn dân tham gia bảo vệ môi trường”, “Xây dựng khu dân cư kiểu mẫu”.

Nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị – xã hội trong tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia thực hiện.

Tăng cường tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, chỉnh trang cảnh quan, bảo vệ môi trường theo phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”.

Biểu dương, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến; kịp thời khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu.

Chủ động nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận xã hội; kịp thời định hướng, giải thích, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

3. Công tác kiểm tra, giám sát

Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án theo từng năm, từng giai đoạn; xác định rõ nội dung, tiến độ và trách nhiệm thực hiện.

Tăng cường kiểm tra thường xuyên và đột xuất đối với các nội dung, lĩnh vực, công trình trong quá trình triển khai; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các tồn tại, hạn chế.

Giao Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới xã chủ trì tổ chức kiểm tra, đôn đốc các bộ phận, đơn vị, thôn trong thực hiện nhiệm vụ.

Thực hiện giám sát việc quản lý, sử dụng các nguồn vốn đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả, công khai, minh bạch.

Phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị – xã hội và cộng đồng dân cư; đảm bảo quyền làm chủ của Nhân dân.

Tổ chức đánh giá định kỳ kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới; kịp thời điều chỉnh, bổ sung giải pháp phù hợp.

Thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ, kịp thời theo quy định.

Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trong quá trình tổ chức thực hiện; đồng thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân thực hiện tốt.

4. Cơ chế phối hợp

Thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa UBND xã với các phòng chuyên môn, các thôn, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị – xã hội trong triển khai thực hiện Đề án.

Phân công rõ trách nhiệm từng bộ phận, cá nhân; đảm bảo “rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ trách nhiệm”, tránh chồng chéo, bỏ sót nhiệm vụ.

Tăng cường phối hợp giữa các lĩnh vực (kinh tế, hạ tầng, môi trường, văn hóa – xã hội...) trong tổ chức thực hiện, đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả.

Chủ động phối hợp với các cơ quan cấp trên trong việc hướng dẫn chuyên môn, tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ nguồn lực.

Phối hợp với doanh nghiệp, hợp tác xã trong phát triển sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, thu hút đầu tư vào địa bàn.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị – xã hội trong tuyên truyền, vận động, giám sát thực hiện.

Thiết lập cơ chế trao đổi thông tin thường xuyên giữa các bên; kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

Tổ chức giao ban định kỳ để đánh giá kết quả phối hợp, rút kinh nghiệm và đề ra giải pháp thực hiện trong thời gian tiếp theo.

5. Sơ kết, tổng kết, khen thưởng

Xây dựng kế hoạch sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án theo từng giai đoạn và hàng năm; đánh giá toàn diện kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

Tổ chức sơ kết định kỳ nhằm kịp thời rút kinh nghiệm, điều chỉnh, bổ sung giải pháp phù hợp với tình hình thực tế.

Thực hiện tổng kết vào cuối giai đoạn để đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới nâng cao.

Gắn công tác sơ kết, tổng kết với đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí, nhiệm vụ được giao của từng bộ phận, đơn vị và cá nhân.

Kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Đề án; nhân rộng các mô hình hay, cách làm hiệu quả.

Đề xuất cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân tiêu biểu theo quy định.

Đồng thời phê bình, chấn chỉnh các tập thể, cá nhân thực hiện chưa tốt, chưa hoàn thành nhiệm vụ.

Lưu trữ hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, đánh giá, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

II. Phân công nhiệm vụ

1. Ủy ban nhân dân xã:

Là cơ quan chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Đề án; xây dựng kế hoạch cụ thể theo từng năm, từng giai đoạn; phân công nhiệm vụ cho các bộ phận chuyên môn; tổ chức thực hiện, kiểm tra, đôn đốc và tổng hợp báo cáo UBND thành phố và các sở, ngành theo quy định;

2. Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới xã:

Là đầu mối tham mưu giúp Đảng ủy, UBND xã trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện Đề án; tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc các bộ phận, đơn vị, các thôn trong quá trình thực hiện.

3. Văn phòng HĐND và UBND xã:

Tham mưu tổng hợp, theo dõi chung việc triển khai thực hiện Đề án; tham mưu xây dựng kế hoạch, báo cáo định kỳ; tổng hợp kết quả thực hiện các tiêu chí; phối hợp đôn đốc các bộ phận, đơn vị thực hiện nhiệm vụ.

4. Phòng Kinh tế xã:

Chủ trì tham mưu triển khai các nội dung về phát triển sản xuất nông nghiệp, tổ chức sản xuất, xây dựng nông thôn mới; hướng dẫn thực hiện các tiêu chí về thu nhập, lao động, sản xuất, OCOP; phối hợp triển khai các mô hình phát triển kinh tế.

5. Phòng Văn hóa – Xã hội xã:

Chủ trì tham mưu thực hiện các nội dung về giáo dục, y tế, văn hóa, an sinh xã hội, giảm nghèo; xây dựng đời sống văn hóa; nâng cao chất lượng các tiêu chí xã hội trong xây dựng nông thôn mới.

6. Trung tâm Phục vụ hành chính công xã:

Thực hiện cải cách thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp; góp phần nâng cao chỉ số hài lòng và tiêu chí hành chính công trong xây dựng nông thôn mới.

7. Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công xã:

Tổ chức thực hiện các dịch vụ công ích trên địa bàn; quản lý, vận hành các hoạt động về môi trường, thu gom rác thải, duy tu hạ tầng; đồng thời thực hiện nhiệm vụ **phát thanh – truyền thanh cơ sở, tuyên truyền xây dựng nông thôn mới**, nâng cao nhận thức của Nhân dân.

8. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị – xã hội:

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia thực hiện Đề án; phát huy vai trò giám sát cộng đồng; phối hợp tổ chức các phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới.

9. Các thôn:

Trực tiếp triển khai các nội dung của Đề án tại cơ sở; xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế; tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia; quản lý, duy trì các công trình, tiêu chí sau khi hoàn thành.

10. Các hợp tác xã, doanh nghiệp:

Chủ động tham gia phát triển sản xuất, liên kết tiêu thụ sản phẩm; đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân.

11. Nhân dân trên địa bàn:

Là chủ thể trong xây dựng nông thôn mới; tích cực tham gia thực hiện các nội dung của Đề án; đóng góp nguồn lực theo khả năng; giữ gìn, phát huy kết quả các tiêu chí đã đạt được.

PHẦN VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

I. Đối với UBND thành phố

Quan tâm bố trí nguồn vốn từ ngân sách thành phố để hỗ trợ xã thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao, đặc biệt là các tiêu chí khó như giao thông, môi trường, xử lý nước thải, cơ sở vật chất văn hóa.

Ban hành và hoàn thiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản.

Chỉ đạo các sở, ngành tăng cường hướng dẫn chuyên môn, kiểm tra, hỗ trợ địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

Hỗ trợ kinh phí thực hiện các mô hình phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP.

Hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp như giao thông nội đồng, thủy lợi, điện phục vụ sản xuất.

Quan tâm hỗ trợ triển khai chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới; nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và phát triển kinh tế nông thôn.

Tạo điều kiện để xã tiếp cận, tham gia các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

Kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

II. Đối với các sở, ngành thành phố

Tăng cường hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho UBND xã trong triển khai thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao theo từng lĩnh vực phụ trách.

Hỗ trợ đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, đặc biệt trong các lĩnh vực quản lý xây dựng, môi trường, chuyển đổi số, phát triển sản xuất.

Hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình phát triển sản xuất hiệu quả; mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, thân thiện môi trường.

Hỗ trợ phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP; tư vấn xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc; nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

Tăng cường xúc tiến thương mại, kết nối cung – cầu; hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, đặc biệt là các sản phẩm đặc trưng của địa phương;

Hướng dẫn triển khai các nội dung về bảo vệ môi trường, xử lý chất thải, nước thải; hỗ trợ kỹ thuật, công nghệ phù hợp với điều kiện địa phương.

Hỗ trợ triển khai chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và phát triển kinh tế nông thôn.

Kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Đề án.

KẾT LUẬN

Đề án xây dựng nông thôn mới xã Hà Đông giai đoạn 2026 - 2030 là cơ sở quan trọng để cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát

triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; đồng thời là căn cứ để tổ chức triển khai đồng bộ các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Việc thực hiện Đề án có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; phát triển sản xuất theo hướng bền vững; bảo vệ môi trường; giữ gìn bản sắc văn hóa; đảm bảo quốc phòng – an ninh.

Để đạt được mục tiêu đề ra, đòi hỏi sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Đảng ủy, UBND xã; sự phối hợp chặt chẽ của các bộ phận, đơn vị; sự hỗ trợ của UBND thành phố và các sở, ngành; đặc biệt là sự đồng thuận, tham gia tích cực của Nhân dân.

UBND xã Hà Đông đề nghị UBND thành phố, các sở, ngành quan tâm, hỗ trợ về cơ chế, chính sách và nguồn lực để địa phương triển khai thực hiện Đề án đạt hiệu quả; phấn đấu đến năm 2030, xã Hà Đông đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, hướng tới xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Hà Đông, giai đoạn 2025 - 2030. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc hoặc thay đổi các Phòng, đơn vị kịp thời báo cáo, phản ánh về UBND xã để kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Phòng, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**

Hoàng Văn Đại